TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **395**/2022/DS-PT
Ngày: 29/8/2022
V/v *"Tranh chấp QSD đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2022/TLPT-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Đỗ Văn Đ, sinh năm 1951.

1.2. Huỳnh Thị L, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Văn Đ và bà Huỳnh Thị L: Chị Đỗ Thị C, sinh năm: 1984 (có mặt); Địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/01/2021 và ngày 28/10/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ và bà Huỳnh Thị L: Luật sư Võ Phát T – Văn phòng luật sư Đức T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 16, ấp 1, xã Tân Hội Trung, huyện C, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đỗ Thị M, sinh năm 1975;

3.2. Đỗ Thị Q, sinh năm 1979;

3.3. Đỗ Thị C, sinh năm 1984;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị M và bà Đỗ Thị Q: Chị Đỗ Thị C, sinh năm: 1984 (có mặt) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/01/2021).

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị M, Đỗ Thị Q và Đỗ Thị C: Luật sư Võ Phát T – Văn phòng luật sư Đức T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ngân hàng N (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Đỗ Văn Đ và đại diện theo uỷ quyền của ông Đ là chị Đỗ Thị C trình bày:

Nguyên phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ của ông Đ là cụ Đỗ Hữu T và cụ Phạm Thị P để lại. Cụ T và cụ P có 03 người con chung là Đỗ Thị P, Đỗ Thị P và Đỗ Văn Đ. Lúc còn sống cha mẹ của ông Đ đã chia đất đều cho 03 anh chị em của ông. Bà P được cha mẹ cho đất ở xã Bình Hàng Trung, huyện C, còn ông Đ và bà P được cha mẹ cho đất ở ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà P được cha mẹ cho phần đất trồng cây lâu nằm ở ngoài mặt tiền giáp lộ nông thôn (nay là thửa số 1251, tờ bản đồ số 4 do anh Nguyễn Văn L con của bà P đứng tên Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất, còn ông Đ được cha mẹ cho phần đất ruộng (đất lúa) nằm ở phía trong. Ngoài ra, cha mẹ có cho ông Đ thêm phần đất để làm đường đi cộ lúa (đường vận chuyển lúa) vào đến đất ruộng của ông Đ có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 55m, tổng diện tích 220m^2, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (thuộc một phần thửa 1251 nêu trên, vị T giáp với đất ông Đỗ Phước Thành), việc cha mẹ cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ hay văn bản gì, nhưng có chị ông Đ là bà Đỗ Thị P (mẹ ruột anh Nguyễn Văn L) làm chứng. Tại thời điểm được cha mẹ cho đất thì ông Đ chưa cưới vợ.

Từ khi được cho đất thì ông Đ nhận đất sử dụng cho đến nay gần 50 năm. Vào năm 1990, do đường đi từ ngoài lộ vào đất của ông Đ không được bằng phẳng, nên ông Đ có bơm khoảng 200m^3 cát trên phần đất lối đi để thuận tiện cho việc đi lại và sử dụng từ đó đến nay không có ai ngăn cản hay tranh chấp gì

và hiện nay ông Đ vẫn là người sử dụng đường đi này. Năm 2019, vợ chồng bà P chia đất cho con trai tên Nguyễn Văn L tại thửa 1251, diện tích 2.179m^2 tọa lạc tại ấp B, xã M bao gồm luôn phần diện tích đường đi của ông Đ, sự việc này ông không hay biết. Đầu năm 2020, anh L có tạo áp lực yêu cầu ông Đ phải bán lại phần đất ruộng cho anh L, khi ông Đ không đồng ý thì anh L cố tình cản trở không cho ông đi phần đường đi này. Đến lúc này ông Đ mới biết là bà P đã cho anh L đứng tên quyền sử dụng (QSD) đất phần đất của ông Đ nên ông tranh chấp cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện thì ông Đỗ Văn Đ và Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả lại phần đất lối đi cho ông Đ, bà L có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 55m, diện tích khoảng 220m^2, thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất có chiều ngang (mặt tiền 3,77m, sau hậu 3,79m), chiều dài (cạnh 49,35m; cạnh 48,69m), diện tích 184,2m^2 (theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và buộc anh Nguyễn Văn L trả lại phần đất này cho ông Đ.

- Chị Đỗ Thị C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp thống nhất với lời trình bày của ông Đ. Bà L thừa nhận đất là của cá nhân ông Đ được cha mẹ cho. Nay, bà L xin rút lại yêu cầu khởi kiện, trong vụ án này bà L không có tranh chấp gì và cũng không có yêu cầu gì, bà L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- Bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 1251, tờ bản đồ số 4 thuộc xã M, huyện C là của ông bà ngoại anh L là cụ Đỗ Hữu T và cụ Phạm Thị P cho mẹ anh là bà Đỗ Thị P. Sau đó, cha mẹ anh L tặng cho anh vào khoảng năm 1987 nhưng chỉ nói miệng, nên anh L chưa làm thủ tục chuyển QSD đất, nhưng anh L đã nhận đất sử dụng từ đó cho đến nay. Đến năm 2019 thì cha mẹ anh L mới làm hợp đồng tặng cho QSD đất thửa 1251 cho anh được đứng tên QSD đất cho đến nay. Lúc cha mẹ anh L đứng tên QSD đất đối với phần đất này thì ông Đỗ Văn Đ vẫn đồng ý (lúc đó ông Đ làm cán bộ thu thuế của xã M). Vào năm 2000, anh L được cha anh đồng ý cho múc thành ao nuôi cá và trồng cây ăn trái xung quanh, lúc đó ông Đ có hỏi xin anh L để đi nhờ lối đi như hiện tại và anh L đồng ý (việc này chỉ nói miệng với nhau, không có chứng cứ gì chứng minh).

Nay, anh Nguyễn Văn L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ. Anh L chỉ đồng ý cho ông Đ tiếp tục đi nhờ trên phần đất lối đi thuộc

thửa 1251, diện tích 184,2m^2 như nêu trên đến suốt đời, chứ không đồng ý tách QSD đất cho ông Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Q, Đỗ Thị M và chị Đỗ Thị C, chị C đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Q và chị M trình bày:

Trong vụ án này, chị Đỗ Thị Q, Đỗ Thị M và chị Đỗ Thị C không có yêu cầu gì. Chị Quýt, chị M và chị C thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Ntrình bày:

Anh Nguyễn Văn L có vay tiền tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C và có thế chấp QSD đất thuộc thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do anh Nguyễn Văn L đứng tên GCN QSD đất. Việc tranh chấp giữa ông Đ và anh L không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ của anh L đối với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng N không tham gia vụ án.

Theo Văn bản ý kiến ngày 28/3/2022 của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C (Bút lục số 230) thể hiện: *"Đến ngày 28/3/2022 ông Nguyễn Văn L không còn vay nợ và không còn thế chấp tài sản tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp"*. Ngân hàng N xin không tham gia vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn L trả lại quyền sử dụng lối đi cho bà Huỳnh Thị L.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn Đ:

- Công nhận cho ông Đỗ Văn Đ quyền sử dụng đất diện tích 184,2m^2 trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4 trở về M1, thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và buộc anh Nguyễn Văn L giao quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông Đỗ Văn Đ.

- Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 184,2m^2 đã cấp cho anh Nguyễn Văn L, thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Đỗ Văn Đ theo quy định.

- Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C và Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 782.850đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.056.000đ anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả lại cho ông Đỗ Văn Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2022 anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án đã nộp Đơn kháng cáo đề ngày 01/3/2022 để kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Anh L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ và bà Huỳnh Thị L, vì phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của anh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ, giữ nguyên QSD đất diện tích 184,2m^2 thuộc một phần thửa 1251 để anh L tiếp tục đứng tên GCN QSD đất. Do đất tranh chấp đã được cha mẹ anh L cho anh từ năm 1987 nhưng đến năm 2019 mới chuyển QSD đất cho anh L đứng tên. Năm 1992 anh L có cho ông Đ đi nhờ trên đất tranh chấp để canh tác trồng lúa (do ông Đ có xin anh L được đi nhờ trên đất tranh chấp và có xin anh L bơm cát trên đất tranh chấp cho bằng phẳng).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ, bà Huỳnh Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị M, Đỗ Thị Q và Đỗ Thị C là Luật sư Võ Phát T trình bày: Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L là không có căn cứ chấp nhận. Bởi các lý do như: Đất tranh chấp là của cha mẹ ông Đ, bà P để lại; Bà P là mẹ anh L đã thừa nhận đất tranh chấp là của ông Đ, ngoài ra anh L cũng thừa nhận ông Đ đã sử dụng đất tranh chấp từ trước cho đến nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chị Đỗ Thị C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ, bà Huỳnh Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Q, Đỗ Thị M trình bày: Thống nhất với trình bày của Luật sư Võ Phát T như nêu trên, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ kiện. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L trong thời hạn luật định, nên được xem xét để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp QSD đất"* là Đ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn L được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt nhận bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C (còn viết tắt là bản án sơ thẩm) vào ngày 20/5/2022 (khi xét xử sơ thẩm vắng mặt anh L), do không thống nhất bản án sơ thẩm nên anh L đã kháng cáo. Việc anh L nộp đơn kháng cáo đề ngày 01/6/2022 vào ngày 03/6/2022 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, nhưng xét thấy Ngân hàng đã có Văn bản ý kiến ngày 28/3/2022 đề nghị không tham gia vụ án do phía anh Nguyễn Văn L đã thanh toán xong các khoản vay cho Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của Ngân hàng Ntheo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc QSD đất tranh chấp diện tích 184,2m^2 thuộc một phần thửa 1251, diện tích 2.179m^2 (CLN), tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do anh Nguyễn Văn L đứng tên GCN QSD đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/02/2019 (còn viết tắt là đất tranh chấp) có nguồn gốc là của ông bà ngoại của anh L là cụ Đỗ Hữu T và cụ Phạm Thị P. Cụ T và cụ P có 03 người con chung là Đỗ Thị P, Đỗ Thị P và Đỗ Văn Đ. Lúc còn sống thì cụ T và cụ P đã phân chia đất cho các con bằng lời nói (bằng miệng), trong đó: bà P được cha mẹ cho đất ở xã Bình

Hàng Trung, huyện C, còn ông Đ và bà P được cha mẹ cho đất ở xã M, huyện C, phần đất của ông Đ được cho phần đất ruộng (đất lúa) nằm ở phía trong và đường đi để vận chuyển lúa từ lộ nông thôn vào đến đất ruộng của ông Đ (hiện nay là đất tranh chấp), còn bà bà P được cho là đất trồng cây lâu nằm ở ngoài mặt tiền giáp lộ nông thôn (nay là thửa số 1251) nhưng trừ phần lối đi đã cho ông Đ. Trong quá trình sử dụng đất thì vợ chồng bà P và ông Nguyễn Văn Hiền đăng ký, kê khai được UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn Hiền ngày 30/10/2004 trong đó có cả đất tranh chấp, sau đó thì hộ ông Hiền chuyển nhượng lại cho anh L đứng tên GCN QSD đất thửa 1251, diện tích 2.179m^2, đất LN vào ngày 13/02/2019. Nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất tranh chấp diện tích 2.179m^2 cho ông Đ và buộc anh L trả lại phần đất này cho ông Đ. Còn bị đơn anh Nguyễn Văn L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ, anh L chỉ đồng ý cho ông Đ tiếp tục đi nhờ trên đất tranh chấp đến suốt đời, chứ không đồng ý tách QSD đất cho ông Đ. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp QSD đất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ là có cơ sở. Bởi lẽ: ông Đ đã cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc lúc còn sống cụ P là mẹ của ông Đ có cho ông Đ phần đất đang tranh chấp (có bà P chứng kiến), nhưng khi làm Giấy chứng nhận QSD đất thì bà P đăng ký luôn phần đất này (ông Đ không hay biết). Khi ông Đ biết thì có nhiều lần yêu cầu bà P phải tách QSD đất cho ông, nhưng do GCN QSD đất đang thế chấp Ngân hàng nên bà P cứ hứa hẹn, do chỗ tình nghĩa chị em nên ông Đ cũng không tranh chấp gì. Hơn nữa, trên thực tế thì bà P cũng đã giao Đ phần đất mà bà P cho ông Đ để ông Đ sử dụng nên ông Đ cũng không có ý kiến gì, ông Đ đã sử dụng ổn định lâu dài công khai trên phần đất tranh chấp đã tôn tạo đất như xây cải tạo đất, bơm cát để tạo lối đi bằng phẳng như hiện nay. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bà Đỗ Thị P thể hiện trong Biên bản hòa giải ngày 09/6/2020 của Tổ hòa giải ấp B (Bút lục 09), Tờ xác nhận của bà P ngày 03/6/2020 (Bút lục số 38), Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện C đối với bà P ngày 11/3/2021 (Bút lục số 101). Chỉ sau khi anh L được đứng tên GCN QSD đất ngày 15/02/2019 thì các bên mới phát sinh tranh chấp. Mặc dù, khi bà P đi đăng ký kê khai để được đứng tên QSD đất là cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Hiền (chồng bà P), nhưng việc cho đất đã xảy ra trước đó, ông Đ cũng không tranh chấp gì việc ông Hiền được đứng tên QSD đất. Khi chuyển QSD đất từ hộ ông Hiền sang cho anh L cũng không đo đạc thực tế để tách QSD đất tranh chấp cho ông Đ, việc này đã được bà P thừa nhận.

[4] Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ. Xét thấy, anh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

Mặt khác ông Đ đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, công khai, ngay tình và việc này cũng được bà P, anh L thừa nhận, nên công nhận đất tranh chấp cho ông Đ được tiếp tục sử dụng và buộc anh L có nghĩa vụ giao đất và chuyển QSD đất tranh chấp cho ông Đ là phù hợp.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ, bà Huỳnh Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị M, Đỗ Thị Q và Đỗ Thị C tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn L không được chấp nhận, nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn L;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 148, 165, 217, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 101, 166, 170, 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn L trả lại quyền sử dụng lối đi cho bà Huỳnh Thị L.

2.2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn Đ:

- Công nhận cho ông Đỗ Văn Đ quyền sử dụng đất diện tích 184,2m^2 trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4 trở về M1, thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và buộc anh Nguyễn Văn L giao quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông Đỗ Văn Đ.

- Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 184,2m^2 đã cấp cho anh Nguyễn Văn L, thuộc một phần thửa 1251, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho ông Đỗ Văn Đ theo quy định.

- Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C và Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 782.850đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.056.000 đồng anh Nguyễn Văn L phải chịu, nên anh L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn Đ (do ông Đ đã nộp tạm ứng và đã chi xong).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009367 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn Lợi